Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 17.11.2026 16:07:51 +07:00

171 CB 51

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2220/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã, bao gồm các hồ, đập: Hủa Na, Đồng Văn, Cửa Đạt, Xuân Minh, Trung Sơn, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1, Cánh Tạng và đập Bái Thượng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã.

2. Các quy trình vận hành hồ chứa đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà không phù hợp với Quyết định này thì phải được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Quyết định này.

3. Khi hồ Hồi Xuân được cấp có thẩm quyền cho phép tích nước thì vận hành theo các quy định của Quy trình này.

4. Quy trình vận hành liên hồ chứa là giải pháp phi công trình để phối hợp vận hành giữa các hồ, đập, công trình góp phần nâng cao hiệu quả phòng, chống lũ cho hạ du trong mùa lũ và sử dụng hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu nguy cơ hạn hán, thiếu nước trong mùa cạn trên lưu vực sông Mã.

5. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện việc bảo đảm an toàn cho hạ du trong mùa lũ và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong mùa cạn trên cơ sở thực hiện đồng bộ, tổng thể các giải pháp công trình, phi công trình, trong đó bao gồm xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thủy lợi, thủy điện, cấp nước, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, chi tiết ngành có liên quan.

Điều 3. Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An và Phú Thọ; Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn; Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật (sau đây gọi chung là Giám đốc) của đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập: Hủa Na, Đồng Văn, Cửa Đạt, Xuân Minh, Trung Sơn, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1, Cánh Tạng, đập Bái Thượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND, Ban Chỉ huy PTDS các tỉnh tại Điều 3;
- Các cục: Quản lý tài nguyên nước, Khí tượng Thủy văn;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia;
- Các đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập tại Điều 3;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục: CN, NC, CTTCP, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2)32

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Hồ Quốc Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH
Vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã

(Kèm theo Quyết định số 2220/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hằng năm, các hồ Hủa Na, Đồng Văn, Cửa Đạt, Xuân Minh, Trung Sơn, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1, Cánh Tạng và đập Bái Thượng trên lưu vực sông Mã phải vận hành theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

1. Vận hành trong mùa lũ

a) Đảm bảo an toàn công trình:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện Xuân Minh không để mực nước hồ vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình thủy điện Đồng Văn, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1 không để mực nước hồ vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình thủy điện Hủa Na, Trung Sơn, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1 và Cánh Tạng không để mực nước hồ vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình hồ chứa nước Cửa Đạt, không để mực nước hồ vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 10.000 năm.

b) Đảm bảo an toàn chống lũ cho hạ du:

- Đảm bảo mực nước sông Chu tại Xuân Khánh không vượt quá cao trình 13,71 m với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 166 năm (tần suất 0,6%);

- Đảm bảo mực nước sông Mã tại Lý Nhân không vượt quá cao trình 13,0 m với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 50 năm;

- Góp phần giảm lũ cho hạ du sông Bưởi.

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

2. Vận hành trong mùa cạn

a) Đảm bảo an toàn công trình;

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

Điều 2. Thời gian vận hành mùa lũ, mùa cạn trong Quy trình này được quy định như sau:

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ):

a) Từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11 đối với các hồ: Hủa Na, Đồng Văn, Cửa Đạt, Xuân Minh và đập Bái Thượng;

b) Từ ngày 15 tháng 7 đến ngày 15 tháng 11 đối với các hồ: Trung Sơn, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2 và Cẩm Thủy 1;

c) Từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 31 tháng 10 đối với hồ Cánh Tạng.

2. Thời gian vận hành mùa cạn (sau đây gọi tắt là mùa cạn):

a) Từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 30 tháng 6 năm sau đối với các hồ: Hủa Na, Đồng Văn, Cửa Đạt, Xuân Minh và đập Bái Thượng;

b) Từ ngày 16 tháng 11 đến ngày 14 tháng 7 năm sau đối với các hồ: Trung Sơn, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2 và Cẩm Thủy 1;

c) Từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 31 tháng 5 năm sau đối với hồ Cánh Tạng.

Điều 3. Việc vận hành các công trình xả của các hồ, đập phải tuân thủ theo quy trình vận hành công trình xả đã được ban hành nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các hoạt động có liên quan đến vận hành xả nước ở khu vực hạ lưu của hồ, đập.

Điều 4. Các thông số kỹ thuật cơ bản của hồ chứa, đập dâng theo Phụ lục I của Quy trình này.

Chương II
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành các hồ chống, giảm lũ cho hạ du

1. Việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình được thực hiện theo quy trình vận hành của hồ, đập đã được ban hành, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Chương IV của Quy trình này hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quyết định.

2. Việc vận hành chống lũ cho hạ du phải bảo đảm an toàn công trình hồ, đập, không gây đột biến dòng chảy, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân ở khu vực ven sông ở hạ du các hồ, đập; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian vận hành mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành chống lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa không được vượt mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, trừ trường hợp lưu lượng đến hồ vượt quá năng lực xả tối đa của công trình đối với hồ Cánh Tạng và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9, Điều 12 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về: tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin, thông tin dự báo, cảnh báo tiếp theo để vận hành, điều tiết hồ cho phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời, phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo điều hành, cung cấp, chia sẻ các thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ chứa để nâng cao hiệu quả giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

5. Sau khi kết thúc quá trình vận hành chống lũ cho hạ du hoặc sau khi vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp hoặc sau khi vận hành bảo đảm an toàn công trình phải đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6, trừ trường hợp quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

6. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại các Điều 21 và Điều 23 của Quy trình này.

Điều 6. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông tại các Trạm thủy văn Xuân Khánh, Lý Nhân, Thạch Quảng và Kim Tân theo quy định về cấp báo động lũ được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Mực nước cao nhất của các hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn, Cánh Tạng trong thời gian mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Bảng 1, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 (đối với hồ Trung Sơn) và Điều 12 của Quy trình này. Đối với các hồ khác không quy định tại Bảng 1 thì mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Bảng 1. Mực nước cao nhất của các hồ trong điều kiện bình thường

Hồ	Hủa Na	Cửa Đạt	Trung Sơn
	Từ 01/7 đến 30/11	Từ 01/7 đến 30/11	Từ 15/7 đến 15/11
Mực nước hồ (m)	235,00	110,00	150,00

Hồ	Cánh Tạng				
	Từ 01/6 đến 30/6	Từ 01/7 đến 31/7	Từ 01/8 đến 31/8	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 31/10
Mực nước hồ (m)	70,28 (79,75)*	76,15 (79,75)*	83,94	85,40	88,75

(*) Khi chưa vận hành hệ thống cấp nước hạ du.

3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ

Hồ	Hủa Na	Cửa Đạt		
	Từ 01/7 đến 30/11	Từ 01/7 đến 14/8	Từ 15/8 đến 15/10	Từ 16/10 đến 30/11
Mực nước hồ (m)	234,00	108,00	108,50	109,60

Hồ	Cánh Tạng		
	Từ 01/8 đến 31/8	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 31/10
Mực nước hồ (m)	82,94	84,40	88,00

4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành hồ Cánh Tạng giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành hồ Cánh Tạng giảm lũ cho hạ du

Hồ	Trạm thủy văn	Mực nước (m)	Cấp báo động lũ
Cánh Tạng	Thạch Quảng	15,50	II + 0,5 m
	Kim Tân	11,50	II + 0,5 m

Điều 7. Chế độ vận hành hồ và thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ trong mùa lũ

1. Việc vận hành hồ trong mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này bao gồm các chế độ vận hành sau đây:

a) Vận hành chống, giảm lũ cho hạ du:

- Đối với các hồ Hủa Na, Cửa Đạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8, hồ Trung Sơn tại khoản 1 Điều 9, hồ Cánh Tạng tại Điều 10 của Quy trình này bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các chế độ vận hành như sau:

+ Vận hành hạ thấp mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm hạ dần mực nước hồ về mực nước đón lũ thấp nhất để tạo thêm dung tích phòng lũ. Căn cứ vào mực nước hồ, lưu lượng đến hồ và mực nước tại trạm thủy văn, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quyết định cụ thể về thời gian xả, lưu lượng xả phù hợp để hạ dần mực nước hồ;

+ Vận hành duy trì mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-10%) nhằm duy trì mực nước hồ;

+ Vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du: là quá trình vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để tích nước vào hồ nhằm cắt, giảm lũ cho hạ du, nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường (riêng hồ Cửa Đạt không vượt quá 117,64 m);

+ Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 sau khi vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Việc vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Cánh Tạng còn bao gồm chế độ vận hành điều tiết mực nước hồ để bảo đảm không vượt quá mực nước đón lũ thấp nhất trong trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước quy định tại Bảng 2.

- Việc phối hợp vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Xuân Minh, Đồng Văn trên sông Chu được quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy trình này, các hồ chứa khác trên sông Mã được quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy trình này.

b) Vận hành bảo đảm an toàn công trình: là quá trình vận hành điều tiết xả nước của hồ để bảo đảm an toàn công trình khi mực nước hồ đạt mực nước dâng bình thường, riêng hồ Cửa Đạt đạt đến 117,64 m (trừ các hồ được quy định mực nước khác để vận hành an toàn công trình theo quy định của Quy

trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước) mà lưu lượng đến hồ vẫn tiếp tục tăng và được quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

c) Vận hành tích nước cuối mùa lũ: là quá trình vận hành với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm tích nước vào hồ và được quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

d) Vận hành trong điều kiện bình thường: là chế độ vận hành khác với quy định tại các điểm a, b, c khoản này và Điều 21 của Quy trình này để điều tiết, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, phát điện, kể cả việc vận hành điều tiết qua tràn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường và được quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

2. Điều kiện thực hiện các chế độ vận hành hồ quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành chống, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi xuất hiện tình huống sau:

Khi Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương hoặc gây ngập, lụt trên lưu vực sông Mã (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ). Trường hợp không có dự báo có mưa, lũ mà lưu lượng về hồ vượt 1.000 m^3/s đối với hồ Hủa Na, 1.000 m^3/s đối với hồ Cửa Đạt, 1.800 m^3/s đối với hồ Trung Sơn, 150 m^3/s đối với hồ Cánh Tạng (sau đây gọi tắt là lũ đến hồ).

Việc thực hiện chế độ vận hành chống, giảm lũ cho hạ du phải được thực hiện kể từ khi xuất hiện các tình huống quy định tại điểm này cho đến khi mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 1 hoặc mực nước tại Trạm thủy văn Xuân Khánh đã xuống dưới mức báo động III đối với hồ Cửa Đạt, mực nước tại Trạm thủy văn Lý Nhân đã xuống dưới mức báo động III đối với hồ Trung Sơn, mực nước tại Trạm thủy văn Thạch Quảng và Kim Tân đã xuống dưới báo động II đối với hồ Cánh Tạng và còn đang tiếp tục xuống, đồng thời không có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

b) Các hồ Hủa Na, Trung Sơn, Cánh Tạng phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình kể từ khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng hồ Cửa Đạt đạt đến 117,64 m) mà lũ đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình cho đến khi mực nước các hồ đã giảm xuống dưới mực nước dâng bình thường (riêng hồ Cửa Đạt xuống dưới 117,64 m) và lũ đến hồ đã giảm. Các hồ, đập khác phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Các hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn, Cánh Tạng được thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ, nếu từ ngày 16 tháng 9 đối với hồ Trung Sơn, từ ngày 01 tháng 10 đối với hồ Hủa Na và Cánh Tạng, từ ngày 15 tháng 10 đối với hồ Cửa Đạt mà không xuất hiện các tình huống theo quy định tại điểm a khoản này. Đồng thời, Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo, dự báo trong 10 ngày tới trên lưu vực sông Mã không xuất hiện các hình thế thời tiết có thể gây mưa, lũ lớn.

d) Ngoài thời gian thực hiện các chế độ vận hành quy định tại các điểm a, b và c khoản này và Điều 21 của Quy trình này, các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường.

3. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định vận hành các hồ trong mùa lũ được quy định như sau:

a) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành các hồ chống, giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ và vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp do Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định, được quy định như sau:

- Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa quyết định việc vận hành chống, giảm lũ cho hạ du (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du và vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường); quyết định việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định việc vận hành tích nước cuối mùa lũ và vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp.

b) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình, vận hành trong điều kiện bình thường do Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập, nhà máy thủy điện (sau đây gọi tắt là Chủ hồ) quyết định trên cơ sở quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c) Trường hợp người có thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ theo quy định tại các điểm a, b khoản này mà không thực hiện trách nhiệm của mình dẫn đến mất an toàn cho công trình, hạ du, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Việc quyết định, chỉ đạo vận hành các hồ đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: lệnh vận hành, chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp hoặc các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác (sau đây gọi chung là lệnh vận hành). Trường hợp lệnh vận hành chưa được ban hành bằng văn bản thì sau đó phải có văn bản gửi cho các cơ quan liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý. Chủ hồ phải báo cáo lại việc thực hiện bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát việc vận hành.

Trường hợp xuất hiện các tình huống phải thực hiện chế độ vận hành chống, giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ hoặc phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp theo quy định của Quy trình này mà Chủ hồ không nhận được lệnh vận hành của Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này thì Chủ hồ quyết định việc vận hành theo quy định của Quy trình này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đồng thời, phải báo cáo ngay Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Việc báo cáo vận hành công trình được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại có ghi âm, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác. Toàn bộ hồ sơ, dữ liệu, nhật ký vận hành và cơ sở đưa ra quyết định vận hành phải được lưu trữ, gửi cho các cơ quan, đơn vị liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

đ) Lệnh vận hành phải thể hiện các thông tin chính như sau: hiện trạng mực nước hạ du, mực nước hồ, lưu lượng về hồ, lưu lượng xả sau công trình; mục tiêu cần đạt của lệnh; thời gian thực hiện lệnh; mực nước hồ dự kiến đạt; cấp lưu lượng xả và các yêu cầu khác (nếu có).

Điều 8. Vận hành chống, giảm lũ cho hạ du sông Chu

1. Vận hành chống lũ đối với hồ Hủa Na

a) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2, thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2, thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

c) Khi lưu lượng lũ đến hồ lớn hơn 1.000 m^3/s nhưng chưa vượt 3.300 m^3/s, vận hành điều tiết nhằm duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm d và đ khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

d) Khi lưu lượng lũ đến hồ lớn hơn 3.300 m^3/s nhưng chưa vượt 5.700 m^3/s, mực nước hồ chưa đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành điều tiết với lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ và không vượt quá 3.300 m^3/s để cắt, giảm lũ cho hạ du.

đ) Khi lưu lượng lũ đến hồ lớn hơn 5.700 m^3/s và dự báo còn tiếp tục tăng, mực nước hồ chưa đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành điều tiết tăng dần lưu lượng xả, nhưng cấp tăng lưu lượng mỗi giờ không lớn hơn 400 m^3/s.

e) Trong quá trình vận hành theo quy định tại các điểm d và đ khoản này, khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

g) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản này, khi lưu lượng đến hồ nhỏ hơn 1.000 m^3/s, vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1.

h) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm g khoản này nếu lưu lượng lũ đến hồ lại tiếp tục tăng, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ để thực hiện vận hành theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này.

2. Vận hành chống lũ đối với hồ Cửa Đạt

a) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2, thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2, thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

c) Khi lưu lượng lũ đến hồ lớn hơn 1.000 m^3/s nhưng chưa vượt 3.200 m^3/s, vận hành điều tiết nhằm duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm d và đ khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

d) Khi lưu lượng lũ đến hồ lớn hơn 3.200 m^3/s nhưng chưa vượt 6.000 m^3/s, mực nước hồ chưa đạt đến cao trình 117,64 m, vận hành điều tiết với lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ và không vượt quá 3.200 m^3/s để cắt, giảm lũ cho hạ du.

đ) Khi lưu lượng lũ đến hồ lớn hơn 6.000 m^3/s và dự báo tiếp tục tăng, mực nước hồ chưa đạt đến cao trình 117,64 m, vận hành điều tiết tăng dần lưu lượng xả, với cấp tăng lưu lượng mỗi giờ không lớn hơn 400 m^3/s.

e) Trong quá trình vận hành theo quy định tại các điểm d và đ khoản này, khi mực nước hồ đạt đến cao trình 117,64 m, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

g) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản này, khi mực nước tại Trạm thủy văn Xuân Khánh xuống dưới mức báo động III, vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1.

Trong quá trình vận hành, khi mực nước tại Trạm thủy văn Xuân Khánh đạt báo động III, thực hiện vận hành để duy trì mực nước hồ.

h) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm g khoản này, nếu lưu lượng lũ đến hồ lại tiếp tục tăng, căn cứ mực nước tại Trạm thủy văn Xuân Khánh, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này.

3. Phối hợp vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Xuân Minh, Đồng Văn

a) Đối với hồ Xuân Minh: trong quá trình các hồ Hủa Na và Cửa Đạt vận hành chống lũ cho hạ du, đảm bảo an toàn công trình hoặc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp, hồ Xuân Minh vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 10%).

b) Đối với hồ Đồng Văn: trong quá trình hồ Hủa Na vận hành giảm lũ cho hạ du, đảm bảo an toàn công trình hoặc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp, hồ Đồng Văn phải phối hợp vận hành để góp phần giảm lũ cho hạ du.

c) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành để duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

Điều 9. Vận hành chống, giảm lũ cho hạ du sông Mã

1. Vận hành chống lũ đối với hồ Trung Sơn

a) Vận hành điều tiết nhằm duy trì mực nước hồ không vượt giá trị quy định tại Bảng 1.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b và c khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Khi lưu lượng lũ đến hồ lớn hơn 1.800 m^3/s nhưng chưa vượt 5.800 m^3/s, vận hành mở toàn bộ các cửa xả để đảm bảo xả với lưu lượng lớn nhất có thể của công trình.

c) Khi lưu lượng lũ đến hồ lớn hơn 5.800 m^3/s, mực nước hồ chưa đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành điều tiết với lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ và bảo đảm không vượt quá 5.800 m^3/s để cắt, giảm lũ cho hạ du.

d) Trong quá trình vận hành theo quy định tại các điểm b, c khoản này, khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

đ) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản này, khi mực nước tại Trạm thủy văn Lý Nhân xuống dưới mức báo động III, vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1.

Trong quá trình vận hành, khi mực nước tại Trạm thủy văn Lý Nhân đạt báo động III, thực hiện vận hành để duy trì mực nước hồ.

e) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm đ khoản này, nếu lưu lượng lũ đến hồ lại tiếp tục tăng lên, căn cứ vào mực nước tại Trạm thủy văn Lý Nhân, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

2. Từ ngày 15 tháng 7 đến ngày 15 tháng 8, nếu không có cảnh báo hoặc dự báo có bão, áp thấp nhiệt đới hoặc các hình thế thời tiết khác có khả năng gây lũ ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực hồ chứa, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân

sự tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định dâng mực nước hồ Trung Sơn cao hơn mức quy định tại Bảng 1 nhưng không vượt quá cao trình 152 m trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của Chủ hồ hoặc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhưng phải bảo đảm an toàn công trình và nhiệm vụ phòng, chống lũ cho hạ du.

Trường hợp Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực hồ chứa, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định vận hành xả nước để đưa dần mực nước hồ về cao trình mực nước quy định tại Bảng 1.

Trong quá trình vận hành xả nước, nếu các hình thế thời tiết có khả năng gây lũ không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực hồ chứa, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định vận hành điều tiết duy trì mực nước hồ hoặc dâng mực nước hồ nhưng bảo đảm không vượt quá cao trình 152 m.

3. Phối hợp vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du đối với các hồ: Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2 và Cẩm Thủy 1:

a) Trong quá trình hồ Trung Sơn vận hành giảm lũ cho hạ du, đảm bảo an toàn công trình hoặc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp, các hồ Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2 và Cẩm Thủy 1 vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-10%).

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành để duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

Điều 10. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Cánh Tạng

1. Vận hành trong thời kỳ từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 31 tháng 7

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Thạch Quảng và Kim Tân thấp hơn báo động II + 0,5 m và lưu lượng đến hồ nhỏ hơn 150 m^3/s, thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 1, trừ trường hợp lưu lượng đến hồ vượt quá năng lực xả tối đa của công trình.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng, Kim Tân, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b và c khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Thạch Quảng hoặc Kim Tân bằng hoặc cao hơn báo động II + 0,5 m hoặc lưu lượng đến hồ bằng hoặc lớn hơn 150 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

c) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm b khoản này, nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng và Kim Tân đã xuống dưới mức báo động II.

- Mực nước tại Trạm thủy văn Thạch Quảng hoặc Kim Tân bằng hoặc cao hơn báo động II nhưng thấp hơn báo động II + 0,5 m và dự báo có khả năng xuất hiện đợt lũ mới.

d) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm c khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng, Kim Tân, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm a và b khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

2. Vận hành trong thời kỳ từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 31 tháng 10

a) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2, khi mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng và Kim Tân chưa vượt báo động II thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng, Kim Tân, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang chế độ vận hành hồ theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2, khi mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng và Kim Tân thấp hơn báo động II thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng, Kim Tân, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng và Kim Tân cao hơn báo động II nhưng vẫn thấp hơn báo động II + 0,5 m và lưu lượng đến hồ chưa vượt 150 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng, Kim Tân, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang chế độ vận hành theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

d) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Thạch Quảng hoặc Kim Tân đạt mực nước quy định tại Bảng 3 hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 150 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

đ) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm d khoản này, nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước cao nhất quy định tại Bảng 1 khi xuất hiện một trong các tình huống quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

e) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm đ khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Quảng, Kim Tân, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

3. Căn cứ diễn biến mưa, lũ, tình hình ngập lụt hạ du hồ Cánh Tạng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ thông báo, cung cấp thông tin cho Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa để quyết định việc vận hành giảm lũ hạ du hồ Cánh Tạng.

Điều 11. Vận hành bảo đảm an toàn công trình

Trong quá trình vận hành, khi mực nước hồ Hủa Na, Trung Sơn, Cánh Tạng đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng mực nước hồ Cửa Đạt đạt đến 117,64 m) mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của

công trình thì Chủ hồ phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo Quy trình vận hành của hồ được cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với các hồ chứa khác không quy định tại Bảng 1 của Quy trình này thì thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đồng thời, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với các hồ thủy lợi.

Riêng đối với hồ Cánh Tạng, Chủ hồ còn phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ; đối với các hồ Hủa Na, Đồng Văn, Chủ hồ còn phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An.

Điều 12. Tích nước cuối mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định bằng văn bản việc vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ: Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn và Cánh Tạng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này trên cơ sở văn bản đề xuất của Chủ hồ. Trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được văn bản đề xuất của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa có văn bản về việc vận hành tích nước đối với các hồ nêu trên. Việc vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm mực nước các hồ như sau:

a) Đối với hồ Hủa Na: từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 15 tháng 10 mực nước hồ không vượt quá cao trình 237,0 m; từ ngày 16 tháng 10 đến ngày 30 tháng 11 hồ được tích đến cao trình mực nước dâng bình thường.

b) Đối với hồ Cửa Đạt: từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 30 tháng 11 hồ được tích đến cao trình 112,0 m.

c) Đối với hồ Trung Sơn: từ ngày 16 tháng 9 đến ngày 10 tháng 10 mực nước hồ không vượt quá cao trình 154,0 m; từ ngày 11 tháng 10 đến ngày 15 tháng 10 mực nước hồ không vượt quá cao trình 157,0 m; từ ngày 16 tháng 10 đến ngày 15 tháng 11 hồ được tích đến cao trình mực nước dâng bình thường.

d) Đối với hồ Cánh Tạng: từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 10 hồ được tích đến cao trình mực nước dâng bình thường.

đ) Trường hợp cần thiết, trên cơ sở văn bản đề xuất của Chủ hồ Hủa Na, Trung Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định tích nước đến mực nước dâng bình thường đối với hồ Hủa Na, Trung Sơn trong các thời kỳ tương ứng theo quy định tại điểm a và điểm c khoản này.

e) Trường hợp sau 03 ngày kể từ thời điểm nhận văn bản đề xuất của Chủ hồ mà Chủ hồ chưa nhận được văn bản cho phép tích nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì Chủ hồ được phép chủ động thực hiện chế độ vận

hành tích nước cuối mùa lũ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này và đảm bảo mực nước hồ theo quy định tại khoản 1 Điều này; đồng thời có văn bản báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình thực hiện, nếu có chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy trình này thì thực hiện theo chỉ đạo.

2. Trường hợp có cảnh báo, dự báo xuất hiện El Niño, nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông Mã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định thời gian tích nước sớm hơn và điều chỉnh lưu lượng, thời gian xả cho phù hợp để đảm bảo nguồn nước cho mùa cạn của năm tiếp theo. Đồng thời, thông báo tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Trong quá trình vận hành tích nước theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, Chủ hồ phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ, mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước hồ, lưu lượng đến hồ. Nếu xuất hiện các tình huống quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 21 thì chuyển sang chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du hoặc chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành theo các tình huống bất thường, khẩn cấp theo quy định của Quy trình này.

4. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ phải bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác và phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

Điều 13. Vận hành các hồ trong điều kiện bình thường

Trong thời gian các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, Chủ hồ được chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo mực nước không vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập, nhà máy theo quy định và phải thực hiện vận hành hằng ngày để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du như sau:

1. Đối với hồ Hủa Na: hằng ngày, vận hành xả nước về hạ du bảo đảm tổng lưu lượng trung bình 10 ngày không nhỏ hơn 50 m^3/s đối với tháng 7; 25 m^3/s đối với các tháng 8, 9 và 10; 35 m^3/s đối với tháng 11.

2. Đối với hồ Cửa Đạt: Chủ hồ chủ trì, phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Dốc Cáy và nhà máy thủy điện Cửa Đạt để vận hành như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ Cửa Đạt cao hơn giá trị quy định tại Bảng 4:

- Vận hành xả nước qua tuynel Dốc Cáy như sau: hằng ngày, vận hành xả nước đảm bảo với lưu lượng liên tục không nhỏ hơn 7,67 m^3/s. Trường hợp có nhu cầu nước gia tăng phục vụ tưới cho nông nghiệp còn phải đảm bảo tổng lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 22 m^3/s đối với các tháng 7, 8 và 9; 15 m^3/s đối với các tháng 10 và 11;

- Vận hành xả nước qua nhà máy thủy điện Cửa Đạt xuống hạ du sông Chu như sau: hằng ngày, vận hành xả nước liên tục với lưu lượng không nhỏ hơn 50 m^3/s đối với tháng 7; 40 m^3/s đối với tháng 8; 35 m^3/s đối với tháng 9; 50 m^3/s đối với tháng 10; 45 m^3/s đối với tháng 11.

b) Trường hợp mực nước hồ Cửa Đạt thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 4:

- Vận hành xả nước qua tuynel Dốc Cáy như sau: hằng ngày, vận hành xả nước đảm bảo với lưu lượng liên tục không nhỏ hơn 7,67 m^3/s. Trường hợp có nhu cầu nước gia tăng phục vụ tưới cho nông nghiệp còn phải đảm bảo tổng lưu lượng trung bình ngày từ 18 m^3/s đến 22 m^3/s đối với các tháng 7, 8 và 9; từ 10 m^3/s đến 15 m^3/s đối với các tháng 10 và 11;

- Vận hành xả nước qua nhà máy thủy điện Cửa Đạt xuống hạ du sông Chu như sau: hằng ngày, vận hành xả nước liên tục với lưu lượng từ 50 m^3/s đến 55 m^3/s đối với tháng 7; từ 40 m^3/s đến 45 m^3/s đối với tháng 8; từ 35 m^3/s đến 40 m^3/s đối với tháng 9; từ 50 m^3/s đến 55 m^3/s đối với tháng 10; từ 45 m^3/s đến 50 m^3/s đối với tháng 11.

Bảng 4. Mực nước để vận hành hồ Cửa Đạt

Thời gian	**Tháng 7**	**Tháng 8**	**Tháng 9**	**Tháng 10**	**Tháng 11**
Mực nước hồ (m)	82,50	90,00	99,00	109,60	109,60

c) Khi không vận hành xả nước qua phát điện, đơn vị quản lý, vận hành cửa van thủy lợi qua tuynel Dốc Cáy và đơn vị quản lý, vận hành cửa van thủy lợi xả nước xuống hạ du sông Chu phải vận hành các cửa van để xả nước với lưu lượng theo quy định tại các điểm a và b khoản này.

d) Trong quá trình vận hành theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Chủ hồ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng vận hành qua tuynel Dốc Cáy và nhà máy thủy điện Cửa Đạt để chậm nhất đến ngày 30 tháng 9, mực nước hồ Cửa Đạt không thấp hơn cao trình 99,0 m.

3. Vận hành đập, nhà máy thủy điện Bái Thượng:

Hằng ngày, đơn vị quản lý, vận hành đập Bái Thượng chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng để vận hành bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống thủy lợi Bái Thượng và xả nước về hạ du sông Chu như sau:

a) Trường hợp mực nước đập Bái Thượng bằng hoặc cao hơn 16,8 m, được phép chủ động vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng nhưng phải đảm bảo xả nước liên tục về hạ du với lưu lượng không nhỏ hơn 25 m^3/s.

b) Trường hợp mực nước đập Bái Thượng thấp hơn 16,8 m, vận hành xả nước liên tục về hạ du qua nhà máy thủy điện Bái Thượng với lưu lượng từ 20 m^3/s đến 25 m^3/s.

4. Đối với hồ Trung Sơn: hằng ngày, Chủ hồ thực hiện vận hành như sau:

a) Từ ngày 15 tháng 7 đến 15 tháng 9, vận hành xả nước với tổng lưu lượng trung bình ngày tương đương lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-20%).

b) Từ ngày 16 tháng 9 đến 15 tháng 11, vận hành xả nước với tổng lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 66,7 m^3/s.

c) Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp cần thiết Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thống nhất điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của hồ Trung Sơn trong các ngày Thứ B, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại Điều này.

5. Đối với các hồ Xuân Minh, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2: vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-20%).

6. Đối với hồ Cẩm Thủy 1: vận hành xả nước về hạ du, bảo đảm lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-20%).

7. Đối với hồ Đồng Văn: phối hợp với hồ Hủa Na để tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

8. Đối với hồ Cánh Tạng: hằng ngày, ngoài việc vận hành bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống thì phải tham gia điều tiết cấp nước cho hạ du theo yêu cầu.

9. Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì các hồ phải xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Chương III
VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP TRONG MÙA CẠN

Điều 14. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông.

2. Căn cứ lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và các khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy trình này (sau đây gọi tắt là Phụ lục III) để quyết định lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp theo quy định của Quy trình này.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì phải căn cứ vào dự báo dòng chảy đến hồ, yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du để điều chỉnh giảm lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy trình này nhằm đưa mực nước hồ về khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

4. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại các Điều 22 và Điều 23 của Quy trình này.

5. Việc vận hành các hồ chứa phải căn cứ vào kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Mã do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố để đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, phát điện và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ trong mùa cạn

1. Chủ hồ được phép chủ động vận hành hồ nhưng phải tuân thủ các quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19 và 20 của Quy trình này, trừ các trường hợp phải điều chỉnh chế độ vận hành quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và Điều 22 của Quy trình này.

2. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước các hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy trình này, căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, Chủ hồ phải đề xuất phương án vận hành hồ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt giá trị theo quy định tại Phụ lục III.

3. Trường hợp 30 ngày liên tục mà mực nước các hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy trình này, Chủ hồ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt giá trị theo quy định tại Phụ lục III.

4. Trường hợp cần thiết, vào đầu mùa cạn hoặc trong các thời kỳ vận hành

hồ trong mùa cạn, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị liên quan để thống nhất điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của hồ Trung Sơn trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 18 của Quy trình này.

5. Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành theo Quy trình này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với hồ Cánh Tạng) xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du trên cơ sở phương án đề xuất, báo cáo của Chủ hồ.

Điều 16. Vận hành hồ Cửa Đạt

Chủ hồ chủ trì, phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Dốc Cáy và thủy điện Cửa Đạt để vận hành như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ Cửa Đạt cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Vận hành xả nước qua tuynel Dốc Cáy như sau:

Hằng ngày, vận hành xả nước đảm bảo với lưu lượng liên tục không nhỏ hơn 8,26 m^3/s. Trường hợp có nhu cầu nước gia tăng phục vụ tưới cho nông nghiệp còn phải đảm bảo tổng lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 17 m^3/s đối với tháng 12; 25 m^3/s đối với các tháng 01 và 6; 22 m^3/s đối với các tháng 02, 3, 4 và 5.

b) Vận hành xả nước qua nhà máy thủy điện Cửa Đạt xuống hạ du sông Chu như sau: hằng ngày, vận hành xả nước liên tục với lưu lượng không nhỏ hơn 60 m^3/s đối với các tháng 12 và 5; 72 m^3/s đối với các tháng 01, 02, 3, 4 và 6.

2. Trường hợp mực nước hồ Cửa Đạt nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Vận hành xả nước qua tuynel Dốc Cáy như sau:

Hằng ngày, vận hành xả nước đảm bảo với lưu lượng liên tục không nhỏ hơn 8,26 m^3/s. Trường hợp có nhu cầu nước gia tăng phục vụ tưới cho nông nghiệp còn phải đảm bảo tổng lưu lượng trung bình ngày từ 13 m^3/s đến 17 m^3/s đối với tháng 12; từ 20 m^3/s đến 25 m^3/s đối với các tháng 01 và 6; từ 18 m^3/s đến 22 m^3/s đối với các tháng 02, 3, 4 và 5.

b) Vận hành xả nước qua nhà máy thủy điện Cửa Đạt xuống hạ du sông Chu như sau: hằng ngày, vận hành xả nước liên tục với lưu lượng từ 50 m^3/s

đến 60 m^3/s đối với các tháng 12 và 5; từ 60 m^3/s đến 72 m^3/s đối với các tháng 01, 02, 3, 4 và 6.

3. Trường hợp mực nước hồ Cửa Đạt thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Vận hành xả nước qua tuynel Dốc Cáy như sau:

Hằng ngày, vận hành xả nước đảm bảo với lưu lượng liên tục không nhỏ hơn 8,26 m^3/s. Trường hợp có nhu cầu nước gia tăng phục vụ tưới cho nông nghiệp còn phải đảm bảo tổng lưu lượng trung bình ngày từ 10 m^3/s đến 13 m^3/s đối với tháng 12; từ 18 m^3/s đến 20 m^3/s đối với các tháng 01 và 6; từ 15 m^3/s đến 18 m^3/s đối với các tháng 02, 3, 4 và 5.

b) Vận hành xả nước qua nhà máy thủy điện Cửa Đạt xuống hạ du sông Chu như sau: hằng ngày, vận hành xả nước liên tục với lưu lượng từ 40 m^3/s đến 50 m^3/s đối với các tháng 12 và 5; từ 50 m^3/s đến 60 m^3/s đối với các tháng 01, 02, 3, 4 và 6.

4. Khi không vận hành xả nước qua phát điện, đơn vị quản lý, vận hành cửa van thủy lợi qua tuynel Dốc Cáy và đơn vị quản lý, vận hành cửa van thủy lợi xả nước xuống hạ du sông Chu phải vận hành các cửa van thủy lợi để xả nước với lưu lượng theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì hồ Cửa Đạt phải thực hiện việc xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 17. Vận hành hồ Hủa Na

1. Căn cứ mực nước hồ Hủa Na và hồ Cửa Đạt tại thời điểm 07 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng so với khoảng mực nước tương ứng quy định tại Phụ lục III, hằng ngày hồ vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định và phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình 10 ngày như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ Hủa Na cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Khi mực nước hồ Cửa Đạt cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Hủa Na được phép chủ động vận hành.

- Khi mực nước hồ Cửa Đạt nằm trong hoặc thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Hủa Na vận hành xả nước với lưu lượng không nhỏ hơn 45 m^3/s đối với các tháng 12, 02, 3 và 4; 35 m^3/s đối với tháng 01; 40 m^3/s đối với tháng 5; 55 m^3/s đối với tháng 6.

b) Trường hợp mực nước hồ Hủa Na nằm trong hoặc thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Khi mực nước hồ Cửa Đạt cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Hủa Na vận hành xả nước với lưu lượng từ 25 m^3/s đến 45 m^3/s đối với các tháng 12, 02, 3 và 4; từ 25 m^3/s đến 35 m^3/s đối với tháng 01; từ 25 m^3/s đến 40 m^3/s đối với tháng 5; từ 25 m^3/s đến 55 m^3/s đối với tháng 6.

- Khi mực nước hồ Cửa Đạt nằm trong hoặc thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Hủa Na vận hành xả nước với lưu lượng từ 20 m^3/s đến 25 m^3/s.

2. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì hồ Hủa Na phải thực hiện việc xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 18. Vận hành hồ Trung Sơn

Hằng ngày, hồ vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định và bảo đảm việc vận hành xả nước cho hạ du như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, Chủ hồ được phép chủ động vận hành xả nước với lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 50 m^3/s đối với thời gian từ ngày 16 tháng 11 đến ngày 30 tháng 11, tháng 12, tháng 3 và từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 14 tháng 7; 65 m^3/s đối với các tháng 01 và 02; 60 m^3/s đối với các tháng 4, 5 và 6.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 45 m^3/s đối với thời gian từ ngày 16 tháng 11 đến ngày 30 tháng 11, tháng 12, tháng 3 và từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 14 tháng 7; 60 m^3/s đối với các tháng 01 và 02; 55 m^3/s đối với các tháng 4, 5 và 6.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ có khả năng thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả, nhưng phải đảm bảo lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn giá trị quy định tại khoản này.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, vận hành xả nước với lưu lượng xả trung bình ngày từ 40 m^3/s đến 45 m^3/s đối với thời gian từ ngày 16 tháng 11 đến ngày 30 tháng 11, tháng 12, tháng 3 và từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 14 tháng 7; từ 55 m^3/s đến 60 m^3/s đối với các tháng 01 và 02; từ 50 m^3/s đến 55 m^3/s đối với các tháng 4, 5 và 6.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì hồ Trung Sơn phải thực hiện việc xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 19. Vận hành đối với các hồ Đồng Văn, Xuân Minh, Thành Sơn,

Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1 và Cánh Tạng

Hằng ngày, các hồ vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và bảo đảm việc vận hành cấp nước như sau:

1. Đối với các hồ Xuân Minh, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2: vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-20%).

2. Đối với hồ Đồng Văn: phối hợp với hồ Hủa Na để tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

3. Đối với hồ Cẩm Thủy 1: vận hành xả nước về hạ du, bảo đảm lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-20%).

4. Đối với hồ Cánh Tạng: vận hành đảm bảo cấp đủ nước trong hệ thống và tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du sông Bưởi theo yêu cầu.

Điều 20. Vận hành đập, nhà máy thủy điện Bái Thượng

Hằng ngày, đơn vị quản lý, vận hành đập Bái Thượng chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng để vận hành bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống thủy lợi Bái Thượng và xả nước về hạ du sông Chu như sau:

1. Trường hợp mực nước đập Bái Thượng bằng hoặc cao hơn 16,8 m, được phép chủ động vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng nhưng phải đảm bảo xả nước liên tục về hạ du với lưu lượng không nhỏ hơn 25 m^3/s.

2. Trường hợp mực nước đập Bái Thượng thấp hơn 16,8 m, vận hành xả nước liên tục về hạ du qua nhà máy thủy điện Bái Thượng với lưu lượng từ 20 m^3/s đến 25 m^3/s.

Chương IV
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG TÌNH HUỐNG BẤT THƯỜNG, KHẨN CẤP

Điều 21. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp trong thời gian mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định vận hành các hồ khác với quy định của Quy trình này khi xảy ra một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 3 trở lên.

b) Khi một trong các hồ Trung Sơn, Cửa Đạt, Hủa Na, Cánh Tạng đã sử dụng hết dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du mà có dự báo, cảnh báo tiếp tục xuất hiện lũ lớn ở thượng lưu hồ.

c) Khi mực nước Trạm thủy văn Xuân Khánh vượt báo động III mà mực nước hồ Cửa Đạt đã đạt đến 117,64 m đồng thời dự báo lũ trên sông Chu còn tiếp tục tăng hoặc khi mực nước Trạm thủy văn Lý Nhân vượt báo động III mà mực nước hồ Trung Sơn đã đạt đến mực nước dâng bình thường, đồng thời dự báo lũ trên sông Mã còn tiếp tục tăng hoặc khi mực nước các Trạm thủy văn Thạch Quảng, Kim Tân vượt báo động II + 0,5 m mà mực nước hồ Cánh Tạng đã đạt đến mực nước dâng bình thường, đồng thời dự báo lũ trên sông Bưởi còn tiếp tục tăng.

d) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, đê điều, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du.

đ) Xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai.

e) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định việc hạ mực nước hồ thấp hơn quy định tại Bảng 2 đối với các hồ Cánh Tạng, Hủa Na, Cửa Đạt, thấp hơn quy định tại Bảng 1 đối với hồ Trung Sơn.

3. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp xuất hiện các tình huống có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến an toàn tính mạng, tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du, trên cơ sở phương án đề xuất về mức độ, khả năng đảm bảo an toàn công trình của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa báo cáo Bộ Công Thương đối với hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với hồ Cánh Tạng trước khi xem xét, quyết định sử dụng một phần dung tích trên mực nước dâng bình thường của hồ, các hồ để tham gia hỗ trợ cắt, giảm lũ cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn đập.

Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn có chức năng liên quan đến đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện, thủy lợi phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong quá trình ra quyết định nêu trên.

Điều 22. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp trong thời gian vận hành mùa cạn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định vận hành các hồ khi xuất hiện một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên.

b) Có khả năng xuất hiện lũ trên một hoặc nhiều lưu vực hồ chứa.

c) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình hoặc đe dọa đến an toàn đê điều, cơ sở hạ tầng và dân cư ở hạ du.

d) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b và c khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành hồ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo an toàn công trình.

3. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước hoặc khi Kịch bản nguồn nước công bố nguồn nước trên lưu vực sông Mã ở trạng thái thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu các hồ vận hành bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt hoặc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi xảy ra các tình huống quy định tại Điều 21 thì thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Quy trình này.

Điều 23. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ để xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ, yêu cầu về bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của người dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định.

Chương V
QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 24. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh Thanh Hóa, Phú Thọ, Nghệ An

1. Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa

a) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này.

b) Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ hạ thấp mực nước đón lũ và xả lũ phải trước ít nhất 04

giờ tính đến thời điểm thực hiện lệnh, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp. Việc đóng mở các cửa xả tuân theo quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Sử dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ theo thẩm quyền. Trong quá trình xem xét, quyết định vận hành hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi các hồ xả nước.

đ) Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông báo cho Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Bộ, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Thông báo ngay đến: Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An đối với lệnh vận hành hồ Hủa Na và Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ đối với lệnh vận hành hồ Cánh Tạng.

Đối với lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện, phải thông báo ngay đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia. Riêng đối với hồ Trung Sơn còn phải thông báo tới Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

e) Quyết định việc dâng mực nước hồ Trung Sơn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy trình này nhưng phải bảo đảm an toàn công trình và nhiệm vụ phòng, chống lũ cho hạ du.

2. Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ

a) Khi nhận được thông báo lệnh vận hành đối với hồ Cánh Tạng từ Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hỏa, phải chỉ đạo thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

b) Thông báo, cung cấp thông tin về diễn biến mưa, lũ, tình hình ngập lụt hạ du hồ Cánh Tạng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ cho Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa để quyết định việc vận hành giảm lũ hồ Cánh Tạng.

c) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi hồ Cánh Tạng xả nước.

3. Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An

a) Khi nhận được thông báo lệnh vận hành đối với hồ Hủa Na từ Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

b) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi hồ Hủa Na xả nước.

4. Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để người dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

5. Việc thông báo các lệnh vận hành tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc thông báo bằng các hình thức phù hợp khác. Trường hợp không thực hiện thông báo lệnh vận hành bằng văn bản, thì người nhận được thông báo phải thông báo lại bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

6. Trên cơ sở quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa chủ trì, phối hợp với Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ và các chủ hồ ban hành Quy chế phối hợp liên quan đến việc vận hành hồ chứa để bảo đảm thông tin vận hành hồ chứa được cung cấp kịp thời, đầy đủ đến Nhân dân ở vùng hạ lưu các hồ chứa, đặc biệt trong trường hợp xảy ra mưa, lũ lớn, các tình huống bất thường, khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản của Nhân dân.

7. Triển khai các biện pháp ứng phó với lũ lụt, hạn hán theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Thanh Hóa, Phú Thọ và Nghệ An

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

a) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7, các khoản 1 và 2 Điều 12, các khoản 2, 3 và 5 Điều 15, các Điều 21 và Điều 22 của Quy trình này.

b) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này.

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã,

các Chủ hồ xây dựng quy chế phối hợp, phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền.

d) Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Mã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

đ) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này.

e) Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch, thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định.

g) Chỉ đạo các Chủ hồ lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của các hồ, nhà máy và truyền dữ liệu về các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Quy trình này.

h) Chỉ đạo Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan rà soát nhu cầu sử dụng nước hạ du, phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia để điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của hồ Trung Sơn trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định trong trường hợp cần thiết.

i) Tổ chức xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc thuê dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ chứa theo thẩm quyền. Trong quá trình tính toán, xem xét, quyết định vận hành các hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan.

k) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

l) Tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ và các biện pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ

a) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này đối với đơn vị quản lý, vận hành hồ Cánh Tạng.

b) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại khi hồ Cánh Tạng vận hành xả nước bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp.

d) Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Mã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

đ) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của hồ Cánh Tạng theo quy định tại Quy trình này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

a) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này đối với các đơn vị quản lý, vận hành hồ Hủa Na, Đồng Văn.

b) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại khi các hồ Hủa Na, Đồng Văn vận hành xả nước bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp.

d) Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố

khẩn cấp đối với công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Mã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 26. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia

Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó trong trường hợp có tính chất quan trọng, cấp bách theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ thủy điện.

2. Chỉ đạo, đôn đốc các Chủ hồ thủy điện thực hiện việc vận hành giảm lũ và vận hành điều tiết nước cho hạ du theo quy định của Quy trình này; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Quy trình này; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

3. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch huy động các nhà máy thủy điện vào hệ thống điện quốc gia, phù hợp với yêu cầu về vận hành giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và các yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả của từng hồ trong mùa cạn theo quy định của Quy trình này. Trong đó, ưu tiên huy động điện đối với các hồ chứa có bổ sung, sử dụng thêm dung tích hồ để tham gia cắt, giảm lũ cho hạ du trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ.

4. Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan để điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của hồ Trung Sơn trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định trong trường hợp cần thiết.

5. Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện trên lưu vực sông Mã theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của Bộ.

6. Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa thủy điện, đặc biệt trong công tác đảm bảo an toàn công trình, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng đảm bảo an toàn cho nhân dân ở hạ du hồ chứa trong thời gian xảy ra mưa, lũ trên lưu vực.

7. Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy điện lớn, quan trọng trên lưu vực sông Mã trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Trong mùa lũ:

a) Chỉ đạo việc bảo đảm an toàn cho các công trình thủy lợi có liên quan theo thẩm quyền.

b) Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống bất thường, khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy lợi trên lưu vực sông Mã theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ.

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, chuyên gia tính toán xây dựng các kịch bản, hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vận hành các hồ chứa trên địa bàn để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước và dân cư khi dự báo lũ về hồ có khả năng vượt lưu lượng hoặc mực nước lũ thiết kế hoặc mực nước lũ ở hạ du có nguy cơ vượt mực nước lũ lịch sử hoặc các tình huống bất thường khác có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư trên lưu vực.

d) Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy lợi lớn trên lưu vực sông Mã trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

2. Trong mùa cạn:

a) Chỉ đạo Chủ hồ thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ thủy lợi trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy trình này.

b) Chỉ đạo địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, kiểm tra, sẵn sàng cho việc lấy nước khi các hồ xả nước, đảm bảo không gây lãng phí nước.

c) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan có liên quan chủ động điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước cho nông nghiệp phù hợp với khả năng nguồn nước trong những trường hợp cần thiết.

3. Tổ chức công bố, hướng dẫn, tập huấn thực hiện Quy trình này. Chỉ đạo Cục Quản lý tài nguyên nước và các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc

vận hành các hồ chứa theo Quy trình này và tổ chức xây dựng công cụ giám sát, tính toán, hỗ trợ tham mưu chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Cục Khí tượng Thủy văn tổ chức thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng thủy văn theo quy định của Quy trình này.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy trình này.

6. Tổ chức xây dựng hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu vận hành các hồ, đập và các thông tin, số liệu có liên quan thống nhất trên toàn lưu vực.

7. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã khi cần thiết.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ trưởng các bộ, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo bảo đảm an toàn các công trình, kết cấu hạ tầng và các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các tổ chức trực thuộc, các cơ quan có liên quan xây dựng biện pháp xử lý các sự cố do lũ, ngập lụt gây ra và lập kế hoạch sử dụng nước phù hợp với Quy trình này.

Điều 30. Trách nhiệm của Chủ hồ

1. Thực hiện vận hành hồ chứa theo quy định của Quy trình này.

2. Theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp thông tin, số liệu và chế độ báo cáo theo quy định của Quy trình này và cơ quan, địa phương có liên quan khi có yêu cầu.

Đồng thời, chủ động tính toán, xây dựng các phương án vận hành, điều tiết nước đảm bảo an toàn công trình, cắt, giảm lũ hạ du và đề xuất phương án vận hành hồ chứa tới cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định. Khuyến khích thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo và hỗ trợ vận hành hồ chứa để nâng cao chất lượng dự báo, vận hành hồ.

3. Lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của các hồ chứa; truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai). Đối với các hồ thủy điện

còn phải truyền dữ liệu về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia); các hồ thủy lợi còn phải truyền dữ liệu về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi) theo quy định.

Riêng đối với Chủ hồ Hủa Na còn phải truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An; hồ Cánh Tạng còn phải truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ; hồ Trung Sơn còn phải truyền dữ liệu về Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4. Hằng ngày, cung cấp số liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp theo yêu cầu. Riêng đối với Chủ hồ Trung Sơn còn phải cung cấp về Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông suối ở khu vực hạ lưu đập, nhà máy trước khi vận hành điều tiết nước qua tràn, bắt đầu xả nước phát điện hoặc các trường hợp gia tăng đột ngột lưu lượng xả về hạ du.

6. Trong mùa lũ:

a) Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành được quy định như sau:

- Thực hiện lệnh vận hành hồ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa;

- Trường hợp xảy ra tình huống không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, Chủ hồ phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

b) Khi thực hiện lệnh vận hành các cửa xả tràn, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa và thông báo ngay tới Cục Khí tượng Thủy văn, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Bộ; Chủ hồ bậc dưới liền kề.

Riêng đối với Chủ hồ Cánh Tạng còn phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ; Chủ hồ Hủa Na còn phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An.

c) Thực hiện việc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này. Khi vận hành bảo đảm an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa; Bộ Công Thương (đối với các hồ thủy điện), Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với các hồ thủy lợi).

Riêng đối với Chủ hồ Cánh Tạng còn phải thông báo ngay tới Trưởng ban

Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ, Chủ hồ Hủa Na còn phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An.

d) Khi xuất hiện các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Quy trình này, phải báo cáo ngay và kèm theo phương án đề xuất tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định việc vận hành hồ.

Riêng đối với Chủ hồ Hủa Na, Đồng Văn còn phải thông báo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Chủ hồ Cánh Tạng còn phải thông báo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

đ) Việc báo cáo, thông báo tới các cơ quan quy định tại các điểm b, c và d khoản này được thực hiện bằng một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại có ghi âm, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

e) Chủ hồ đề xuất bằng văn bản phương án tích nước theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

7. Trong mùa cạn:

a) Tổ chức vận hành hồ với lưu lượng, thời gian xả theo đúng quy định của Quy trình này; bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn, đầu mùa lũ; chỉ được chào bán điện năng lên thị trường điện phù hợp với yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả theo quy định của Quy trình này.

b) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa để xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du nếu xảy ra sự cố hoặc trong trường hợp sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành công trình theo Quy trình này.

c) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 15 và việc vận hành nếu xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy trình này.

d) Đề xuất phương án, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy trình này để xem xét, quyết định việc điều chỉnh chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

đ) Hằng ngày, Chủ hồ bậc trên phải thông báo kế hoạch xả nước tới chủ hồ bậc dưới liền kề. Riêng đối với Chủ hồ Cửa Đạt còn phải thông báo kế

hoạch xả nước tới nhà máy thủy điện Cửa Đạt, nhà máy thủy điện Dốc Cáy và đập Bái Thượng.

e) Triển khai lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các hồ thuộc phạm vi quản lý bảo đảm phù hợp với kịch bản nguồn nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, điều chỉnh, triển khai các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

8. Chủ hồ Trung Sơn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ thuộc dòng chính sông Mã.

9. Chủ hồ Cửa Đạt chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ thuộc sông Chu.

Điều 31. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành đập Bái Thượng, các nhà máy thủy điện Cửa Đạt, Dốc Cáy, Bái Thượng và công trình khai thác nước từ kênh chính thuộc hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt

1. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành đập Bái Thượng, công trình khai thác nước từ kênh chính thuộc hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt:

a) Căn cứ nhu cầu dùng nước của hệ thống do đơn vị quản lý, đăng ký kế hoạch cấp nước gửi chủ hồ Cửa Đạt.

b) Chỉ đạo việc vận hành các công trình lấy nước đầu kênh của các hệ thống thủy lợi do đơn vị quản lý để lấy đủ nước trong hệ thống bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện Cửa Đạt, Dốc Cáy và Bái Thượng:

a) Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hồ Cửa Đạt và đập Bái Thượng trong việc vận hành bảo đảm cấp đủ nước trong các hệ thống thủy lợi và xả nước về hạ du và thực hiện quan trắc, cung cấp thông tin, số liệu theo quy định.

b) Lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của nhà máy theo quy định và truyền số liệu, dữ liệu hình ảnh về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp và Cục Quản lý tài nguyên nước.

Điều 32. Trách nhiệm về an toàn các công trình

1. Lệnh vận hành các hồ điều tiết lũ trái với các quy định trong Quy trình này dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì Chủ hồ có liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Chủ hồ thủy điện có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Công Thương, Chủ hồ thủy lợi có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đồng thời, các Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chỉ đạo công tác phòng, chống lũ cho hạ du.

Riêng đối với Chủ hồ Cánh Tạng còn phải báo cáo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ; Chủ hồ Hủa Na, Đồng Văn còn phải báo cáo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An; Chủ hồ Trung Sơn còn phải báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4. Hằng năm, phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Chủ hồ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định. Đồng thời báo cáo tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với hồ thủy lợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa để theo dõi, chỉ đạo.

Riêng đối với Chủ hồ Cánh Tạng còn phải báo cáo tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ, Chủ hồ Hủa Na phải báo cáo tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 30 tháng 6 đối với các hồ Hủa Na, Cửa Đạt, trước ngày 31 tháng 5 đối với hồ Cánh Tạng và trước ngày 14 tháng 7 đối với hồ Trung Sơn, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới các cơ quan theo quy định tại khoản 4 Điều này để chỉ đạo xử lý.

Điều 33. Chế độ quan trắc, dự báo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa, lũ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Khí

tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

a) Hằng ngày, Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện 01 bản tin dự báo tại các Trạm thủy văn Xuân Khánh, Lý Nhân, Thạch Quảng và Kim Tân vào 15 giờ.

b) Hằng ngày, Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ, 19 giờ;

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới;

- Đối với đơn vị quản lý, vận hành đập Bái Thượng tổ chức quan trắc, tính toán mực nước, lưu lượng đến đập Bái Thượng, lưu lượng lấy vào kênh Bái Thượng, lưu lượng qua đập tràn xuống hạ du sông Chu ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

c) Hằng ngày, đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện Dốc Cáy, Cửa Đạt, Bái Thượng phải thực hiện việc tính toán lưu lượng qua nhà máy liên tục 01 giờ 01 lần.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Thực hiện việc thu thập số liệu quan trắc mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên hệ thống sông Mã theo quy định;

- Thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm gây mưa, lũ lớn; các bản tin dự báo, cảnh báo lũ, lũ khẩn cấp tại các Trạm thủy văn Xuân Khánh, Lý Nhân, Thạch Quảng, Kim Tân. Tần suất ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (sau đây gọi tắt là quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai);

- Theo dõi, dự báo và phát hiện thời điểm mực nước tại các Trạm thủy văn Xuân Khánh, Lý Nhân, Thạch Quảng, Kim Tân đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 04 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế;

- Thực hiện bản tin dự báo lũ đến hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ đến hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới;

- Đối với các Chủ hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn và Cánh Tạng còn phải theo dõi, phát hiện thời điểm lưu lượng đến hồ đạt các giá trị tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này và báo cáo tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa.

c) Hằng ngày, đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện Dốc Cáy, Cửa Đạt, Bái Thượng phải thực hiện việc tính toán lưu lượng qua nhà máy 01 giờ 01 lần.

3. Hằng năm, trước thời gian bắt đầu được phép tích nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 12 của Quy trình này, Cục Khí tượng Thủy văn phải thực hiện bản tin dự báo diễn biến thời tiết, thủy văn trong 10 ngày tới trên lưu vực sông Mã và được cập nhật để phục vụ vận hành tích nước các hồ theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

Điều 34. Trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, các Chủ hồ trước 16 giờ hằng ngày.

b) Chủ hồ phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Chủ hồ bậc dưới liền kề trước 11 giờ hằng ngày.

Riêng Chủ hồ Hủa Na còn phải cung cấp tới Ban Chỉ huy Phòng thủ dân

sự tỉnh Nghệ An, Chủ hồ Cánh Tạng còn phải cung cấp tới Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ.

c) Hằng ngày, các đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Dốc Cáy, Cửa Đạt phải cung cấp cho chủ hồ Cửa Đạt; nhà máy thủy điện Bái Thượng phải cung cấp cho đơn vị quản lý, vận hành đập Bái Thượng số liệu quan trắc, tính toán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 của Quy trình này.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa lũ, chủ hồ, Cục Khí tượng Thủy văn phải thực hiện việc cung cấp số liệu, thông tin như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp ngay bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh Thanh Hóa, Phú Thọ, Nghệ An và đơn vị quản lý, vận hành các hồ.

Khi mực nước tại Trạm thủy văn Xuân Khánh, Lý Nhân, Thạch Quảng, Kim Tân đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này thì phải thông báo ngay cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, Phú Thọ và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn, Cánh Tạng.

b) Chủ hồ phải cung cấp ngay bản tin dự báo kèm theo số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Bộ và các Chủ hồ bậc dưới liền kề; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện.

Riêng đối với Chủ hồ Cánh Tạng còn phải cung cấp ngay tới Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ; Chủ hồ Hủa Na, Đồng Văn còn phải cung cấp ngay tới Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Trách nhiệm báo cáo:

Các Chủ hồ có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, Bộ Công Thương và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

Riêng đối với Chủ hồ Cánh Tạng còn phải báo cáo tới Ban Chỉ huy Phòng

thủ dân sự tỉnh Phú Thọ, Chủ hồ Hủa Na còn phải báo cáo tới Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An.

b) Hằng năm, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa; Bộ Công Thương, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

Riêng Chủ hồ Cánh Tạng còn phải báo cáo tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Phú Thọ; Chủ hồ Hủa Na còn phải báo cáo tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại có ghi âm, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

Điều 35. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo trong mùa cạn

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo:

a) Cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc các trị số khí tượng thủy văn: số liệu mưa, mực nước của toàn bộ mạng quan trắc thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên lưu vực sông Mã;

- Nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn trong tháng tới trên lưu vực sông Mã vào ngày 01 hằng tháng.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Hằng ngày tổ chức đo đạc, quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ;

- Đối với Chủ hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn và Cánh Tạng phải tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào các ngày 01, 11 và 21

hằng tháng.

c) Hằng ngày, đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Dốc Cáy, Cửa Đạt, Bái Thượng phải thực hiện việc tính toán lưu lượng qua nhà máy liên tục 01 giờ 01 lần.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Cục Khí tượng Thủy văn: Chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp các số liệu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Phú Thọ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị quản lý, vận hành hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn, Cánh Tạng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong 10 ngày qua trước 16 giờ các ngày 01, 11, 21 hằng tháng.

b) Hằng ngày, các Chủ hồ cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia các số liệu quan trắc, tính toán lượng mưa, mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi).

c) Các Chủ hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn và Cánh Tạng cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Bộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia các số liệu lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng. Riêng Chủ hồ Cánh Tạng còn phải cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Cửa Đạt, Dốc Cáy cung cấp cho Chủ hồ Cửa Đạt và đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng cung cấp cho đơn vị quản lý, vận hành đập Bái Thượng số liệu tổng lưu lượng xả qua phát điện dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng.

d) Hằng ngày, đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Cửa Đạt, Dốc Cáy cung cấp cho Chủ hồ Cửa Đạt và đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng cung cấp cho đơn vị quản lý, vận hành đập Bái Thượng số liệu quan trắc, tính toán lưu lượng qua nhà máy.

3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, đơn vị quản lý, vận hành xử lý khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan kiến nghị bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục I
BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA(*)
(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2220/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Thông số	Đơn vị	Hồ chứa											
			Cửa Đạt	Hủa Na	Xuân Minh	Bái Thượng	Đồng Văn	Trung Sơn	Thành Sơn	Hồi Xuân	Bá Thước 1	Bá Thước 2	Cẩm Thủy 1	Cánh Tạng
I	**Các đặc trưng thủy văn**													
1	Lưu lượng TB nhiều năm	m^3/s	115	94,63	122,2	113,5	95,8	235	235	221,5	325,47	337	340,77	3,37
2	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra	m^3/s	18.900	8.126	11.928	3.953	5.952	13.400	13.053	13.164	14.450	14.650	10.380	1.771
3	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế	m^3/s	13.200	5.703	8.312	3.850	4.841	10.400	10.414	10.492	11.450	11.600	7.230	1.411
II	**Thông số hồ chứa**													
1	Mực nước dâng bình thường	m	110	240	27,5	17,2	120,5	160	89	80	54	41	25,5	88,75
2	Mực nước chết	m	73	215	27	16,2	112	150	89	78,5	53	40	25,5	62,00
3	Mực nước lũ kiểm tra	m	121,33	242,97	36,28	22	131,02	162,2	101,3	87,38	58,37	42,72	31,45	90,64
4	Mực nước lũ thiết kế	m	119,05	240,40	33,46	21,9	129,18	160,0	97,95	84,12	56,01	41	29,28	89,80
5	Dung tích ứng với MNDBT	10^6 m^3	1.062,39	569,35	8,1	7,6	5,2	348,5	4,82	63,38	16,96	44,18	14,836	90,495
6	Dung tích hữu ích (W_{hi})	10^6 m^3	793,7	390,99	0,71	2,74	2,1	112	0	7,73	3,26	12,86	0	83,857
7	Dung tích chết (W_c)	10^6 m^3	268,69	178,36	7,39	4,86	3,1	236,5	4,82	55,65	13,7	31,5	14,836	6,637
III	**Đập dâng chính**													
1	Cao trình đỉnh đập	m	121,30	244,50	36,5	17,2	133,8	162,8	104	87,5	60,5	44,5	34	92,00
2	Chiều cao đập lớn nhất	m	118,75	94,5	13,3	17,5	43,8	84,5	12	46,3	18	29	21,5	54,49
3	Chiều dài đỉnh đập	m	987,13	350,0	53	167	47,19	513	25,8	252,1	49,8	65,0	30	838,35
IV	**Đập tràn**													
1	Số khoang tràn	khoang	5	4	2			6	8	5	4+8	4+10	8	2
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	97	226	17,5			145	79	65,0	4: (41,5) 8: (43,5)	4: (25,5) 10: (27,5)	15	79,75
3	Kích thước cửa van	m x m	11x17	12,5x14	10x10			14x15	15x10	15x15	4; (12x13) 8: (12x11)	4: (10x16) 10: (10x14)	12x11	9,0x9,0
4	Lưu lượng xả tràn ứng với lũ kiểm tra	m^3/s	11.594	6.414	11.920	3.953	5.512	12.534	11.907	12.862	14.450	14.650	10.380	1.408
5	Lưu lượng xả tràn ứng với lũ thiết kế	m^3/s	8.200	5.015	8.307	3.865	4.810	9.900	8.601	10.280	11.450	11.600	7.230	1.150
6	Tràn tự do/tràn sự cố:													
-	Cao trình ngưỡng tràn	m			27,5	17,2	120,5	162,8						88,75
-	Chiều dài tràn	m			150	167	87	153,4						18
V	**Nhà máy thủy điện**													
1	Lưu lượng lớn nhất (CĐ: Cửa Đạt; DC: Dốc Cáy)	m^3/s	CĐ: 156,3 DC: 33,6	203,4	199,2	120	205	522	523,95	527,65	746	750	550	
2	Công suất lắp máy	MW	CĐ: 97 DC: 15	180	15	6	28	260	30	102	60	80	28,8	
3	Số tổ máy	Tổ	CĐ: 2 DC: 3	2	2	2	2	4	3	3	4	4	2	

Ghi chú: (*) Các thông số kỹ thuật của các hồ chứa được cung cấp bởi đơn vị quản lý, vận hành.

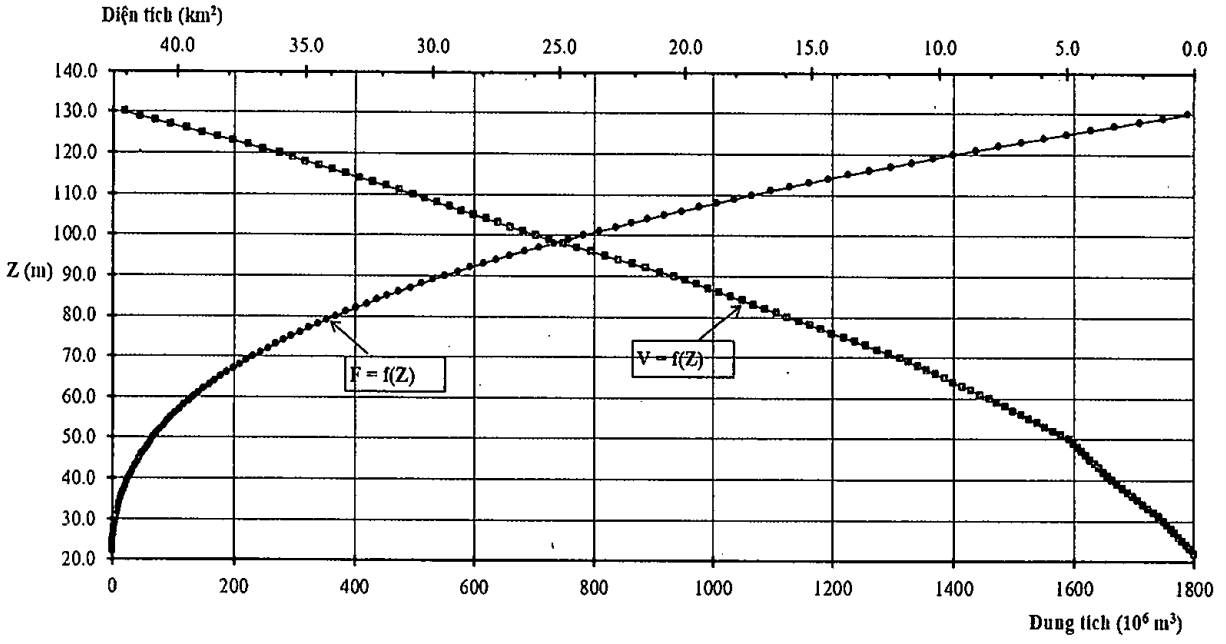
Phụ lục II

BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2220/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ))

I. HỒ CỬA ĐẠT

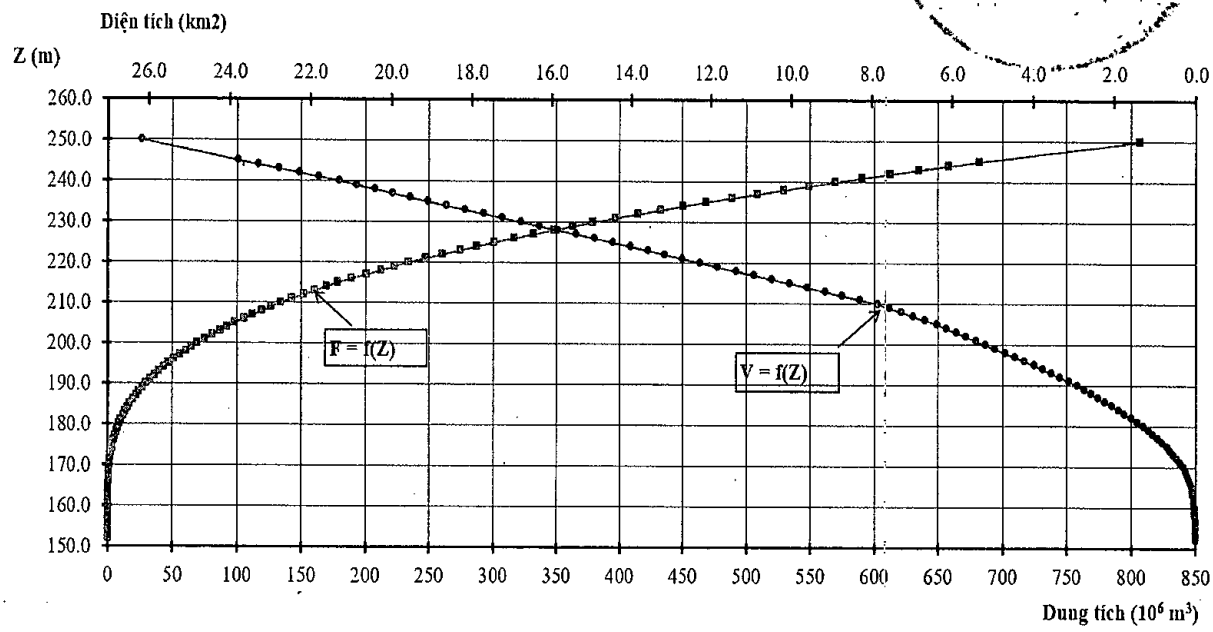
Quan hệ F=f(Z) và V=f(Z) hồ chứa Cửa Đạt



Z (m)	F (km^2)	W (10^6 m^3)									
		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
20				0,0	0,186	0,372	0,558	1,413	2,268	3,124	3,979
30	1,192	4,83	6,51	8,18	9,86	11,53	13,21	15,91	18,61	21,32	24,02
40	3,228	26,72	30,37	34,02	37,66	41,31	44,96	49,46	53,96	58,46	62,97
50	4,936	67,5	73,2	78,9	84,6	90,3	96,0	103,2	110,5	117,8	125,1
60	8,068	132,3	141,3	150,2	159,1	168,0	177,0	187,7	198,3	209,0	219,7
70	11,569	230,4	243,0	255,7	268,3	281,0	293,6	308,4	323,3	338,1	352,9
80	15,939	367,8	384,8	401,9	418,9	436,0	453,1	472,4	491,7	511,0	530,3
90	20,455	549,6	571,4	593,2	615,1	636,9	658,7	683,2	707,8	732,4	756,9
100	25,939	781,5	808,6	835,7	862,9	890,0	917,2	946,7	976,3	1.005,9	1.035,5
110	30,793	1.062,4	1.097,1	1.129,2	1.161,3	1.193,4	1.225,5	1.260,2	1.295,0	1.329,7	1.364,4
120	36,041	1.399,1	1.436,6	1.474,2	1.511,7	1.549,2	1.586,8	1.627,3	1.667,8	1.708,4	1.748,9
130	42,040	1.789,4									

II. HỒ HỦA NA

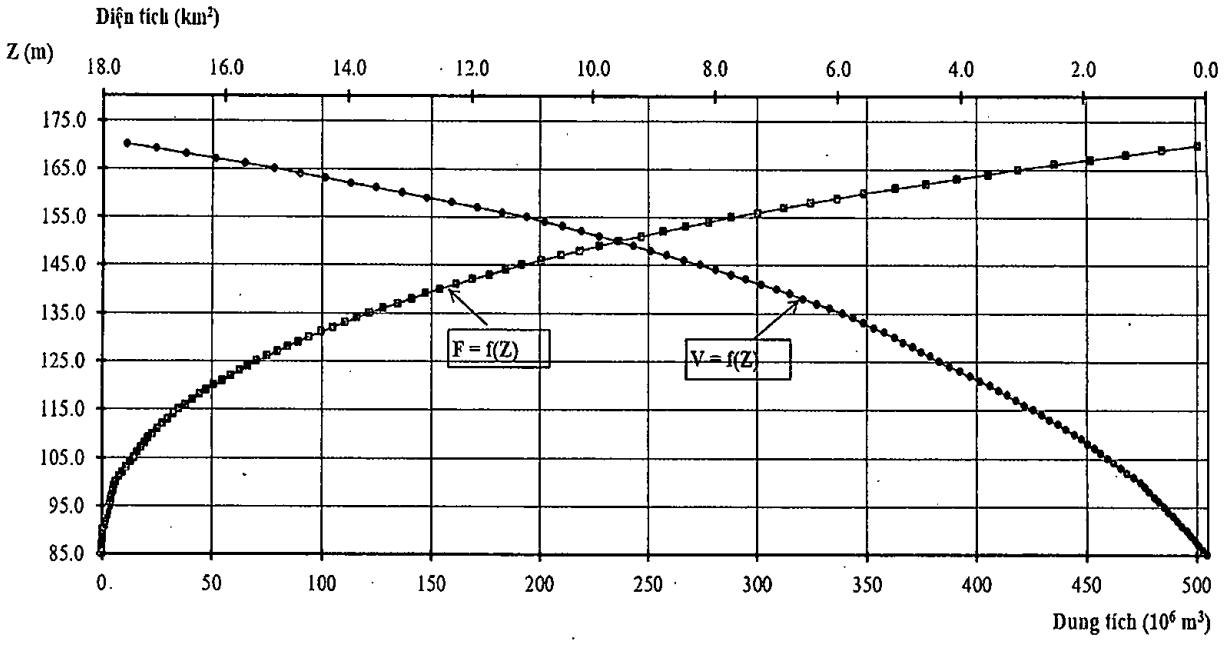
Quan hệ F=f(Z) và V=f(Z) hồ chứa Hủa Na



Cao trình	Diện tích, km^2	Dung tích, 10^6 m^3
152	0,000	0,000
155	0,002	0,002
160	0,03	0,059
165	0,10	0,35
170	0,30	1,29
175	0,71	3,74
180	1,28	8,63
185	2,06	16,90
190	2,91	29,26
195	3,99	46,43
200	5,18	69,28
205	6,39	98,15
210	7,86	133,73
215	10,03	178,36
220	12,27	234,02
225	14,46	300,79
230	16,78	378,83
235	19,09	468,44
240	21,29	569,35
245	23,79	681,99
250	26,17	806,83

III. HỒ TRUNG SƠN

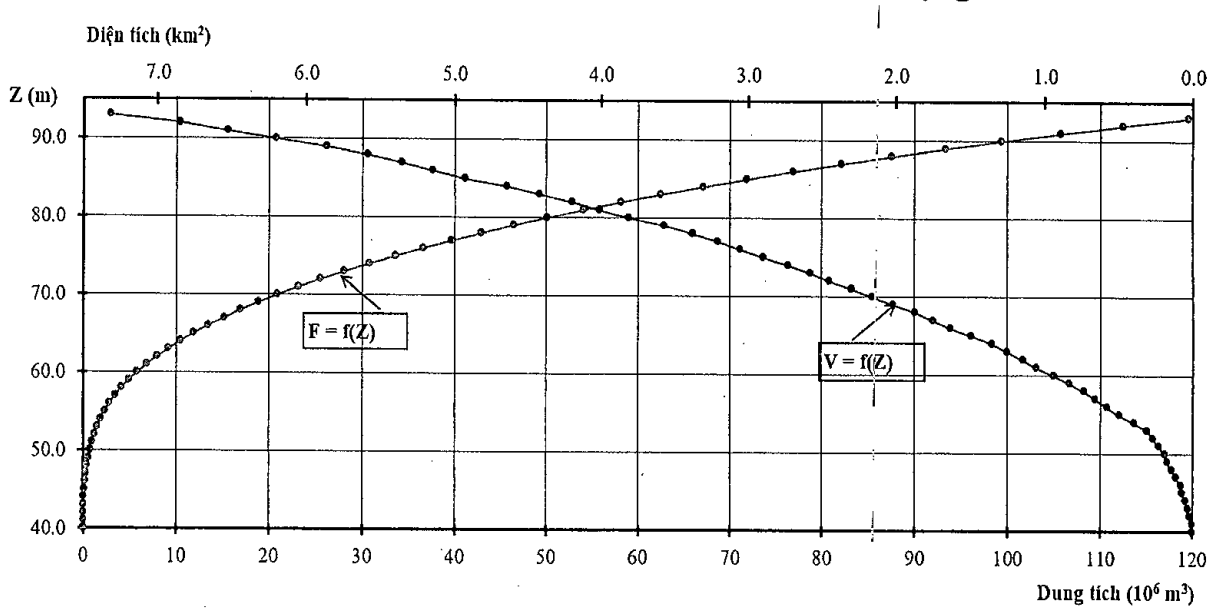
Quan hệ F=f(Z) và V=f(Z) hồ chứa Trung Sơn



Cao trình	Diện tích, km^2	Dung tích, 10^6 m^3
85,0	0,01	0,00
90,0	0,33	0,61
100,0	1,09	6,35
110,0	2,15	22,73
115,0	2,82	35,12
120,0	3,52	50,92
125,0	4,35	70,55
130,0	5,08	94,11
135,0	5,92	121,59
140,0	6,99	153,85
145,0	8,23	191,87
150,0	9,60	236,40
155,0	11,08	288,06
160,0	13,13	348,53
165,0	15,20	419,30
170,0	17,60	501,23

IV. HỒ CÁNH TẠNG

Quan hệ F=f(Z) và V=f(Z) hồ chứa Cánh Tạng



STT	Z(m)	F (km^2)	V (10^6 m^3)	STT	Z(m)	F (km^2)	V (10^6 m^3)
1	40	0	0	28	67	1,75	15,14
2	41	0	0	29	68	1,87	16,95
3	42	0,02	0,01	30	69	2,02	18,9
4	43	0,03	0,03	31	70	2,16	20,98
5	44	0,05	0,07	32	71	2,3	23,21
6	45	0,07	0,13	33	72	2,45	25,59
7	46	0,08	0,21	34	73	2,58	28,1
8	47	0,11	0,31	35	74	2,73	30,75
9	48	0,14	0,43	36	75	2,9	33,57
10	49	0,17	0,58	37	76	3,06	36,55
11	50	0,19	0,76	38	77	3,21	39,69
12	51	0,23	0,98	39	78	3,38	42,98
13	52	0,27	1,23	40	79	3,57	46,46
14	53	0,31	1,51	41	80	3,81	50,15
15	54	0,4	1,87	42	81	4,01	54,06
16	55	0,5	2,32	43	82	4,2	58,17
17	56	0,58	2,86	44	83	4,42	62,48
18	57	0,66	3,48	45	84	4,64	67,01
19	58	0,74	4,18	46	85	4,93	71,8
20	59	0,84	4,97	47	86	5,15	76,83
21	60	0,94	5,86	48	87	5,36	82,09
22	61	1,06	6,86	49	88	5,59	87,57
23	62	1,15	7,96	50	89	5,86	93,3
24	63	1,25	9,16	51	90	6,2	99,32
25	64	1,35	10,46	52	91	6,53	105,69
26	65	1,49	11,88	53	92	6,85	112,38
27	66	1,63	13,45	54	93	7,32	119,47

Phụ lục III

KHOẢNG MỰC NƯỚC ĐỂ ĐIỀU HÀNH CÁC HỒ TRONG MÙA CẠN

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2220/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Mực nước hồ (m)					
			Hủa Na		Cửa Đạt		Trung Sơn	
	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
1	01/11	14/11	(*)				(*)	
2	16/11	20/11					156,2	157,7
3	21/11	30/11					156,2	157,7
4	01/12	10/12	233,7	235,6	107,5	109,6	156,2	157,7
5	11/12	20/12	233,6	235,5	106,1	108,2	156,2	157,7
6	21/12	31/12	233,2	235,1	104,7	106,8	156,2	157,7
7	01/01	10/01	232,9	234,5	103,3	105,4	156,2	157,7
8	11/01	20/01	232,8	234,3	101,8	103,9	156,0	157,5
9	21/01	31/01	232,3	234,0	100,2	102,5	156,0	157,5
10	01/02	10/02	231,5	233,6	98,7	101,0	155,7	157,2
11	11/02	20/02	230,8	232,8	97,3	99,6	154,8	156,3
12	21/02	28/02 (29/02)	230,0	231,9	95,7	98,1	153,7	155,2
13	01/3	10/3	228,8	230,8	94,2	96,6	152,7	154,2
14	11/3	20/3	228,0	230,1	92,7	95,2	152,7	154,2
15	21/3	31/3	226,8	228,9	90,7	93,5	152,5	154,0
16	01/4	10/4	225,3	227,7	88,9	91,8	152,3	153,8
17	11/4	20/4	224,4	226,6	87,4	90,2	151,5	153,0
18	21/4	30/4	223,6	225,7	85,7	88,2	151,0	152,2
19	01/5	10/5	222,6	224,4	84,2	86,2	150,5	150,9
20	11/5	20/5	221,9	223,5	83,0	84,7	150,3	150,7
21	21/5	31/5	220,8	222,4	81,3	82,9	150,3	150,7
22	01/6	10/6	219,4	220,7	79,3	81,1	150,3	150,7
23	11/6	20/6	217,9	219,5	76,8	78,6	150,3	150,7
24	21/6	30/6	215,0	216,6	73,0	74,5	150,0	150,0
25	01/7	10/7	(*)				150,0	150,0
26	11/7	14/7					150,0	150,0

(*) Trong khoảng thời gian vận hành mùa lũ.